TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-12-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Hòa;

Bà Vi Thị Hiệp

-***Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Hứa Thế Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nông Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị T – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lường Văn M, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Bạch Ánh T – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Người đại hợp pháp: Ông Nguyễn Mạnh T – Giám đốc phòng giao dịch N– Agribank Chi nhánh huyện L, Lạng Sơn. (Quyết định ủy quyền lại thực hiện nhiệm vụ quyền,

nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 143/QĐ-NHNo.LB ngày 17/8/2023 của Chi nhánh huyện L, Lạng Sơn); vắng mặt.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội - Người đại diện hợp pháp: Ông Triệu Việt Q - Phó Giám đốc phòng giao dịch NHCSXH huyện L (Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 123/QĐ-NHCS ngày 19/10/2021 của Phòng giao dịch huyện L); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01/10/2023, các lời khai sau đó và trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn chị Nông Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lường Văn M được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cho theo phong tục địa phương vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 03/3/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do anh Lường Văn M không chịu làm ăn, cuộc sống khó khăn dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, có lúc xảy ra xô sát đánh nhau, vợ chồng sống không hạnh phúc. Chị vì nghĩ đến con cái nên đã cho anh Lường Văn M nhiều cơ hội nhưng anh Lường Văn M vẫn chứng nào tật đấy. Đến khoảng tháng 9/2022 chị đi làm công ty dưới Hưng Yên để kiếm tiền nuôi con và trang trải cuộc sống thì anh M không cho chị về nữa, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, chị có về thì chỉ về thăm con nhưng anh Mngăn cản, chửi bới không cho về. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M nữa, nên chị đề nghị được ly hôn với anh M, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lường Quang H, sinh ngày 13/7/2010 và cháu Lường Mạnh H, sinh ngày 10/7/2015 hiện đang ở cùng anh Lường Văn M. Sau khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 24/11/2023 chị Nông Thị T nhất trí để anh Lường Văn M trực tiếp là người nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung và chị chưa cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi do anh Lường Văn M chưa có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị Nông Thị T và anh Lường Văn M có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hiện nay đã không quan tâm, yêu thương nhau, sống ly thân căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị T được ly hôn với anh Lường Văn M. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho anh Lường Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Lường Văn M chưa yêu cầu nên chị Nông Thị T chưa phải

cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu xem xét, giải quyết. Đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Nông Thị T do chị Nông Thị T là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2023 anh Lường Văn M trình bày: Chị Nông Thị T yêu cầu ly hôn anh cũng nhất trí. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lường Quang H, sinh ngày 13/7/2010 và cháu Lường Mạnh H, sinh ngày 10/7/2015, hiện nay đang sống cùng anh, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và chưa yêu cầu chị Nông Thị T cấp dưỡng nuôi con chung, anh hiện nay làm nông nghiệp, chăn nuôi và trồng rừng đảm bảo điều kiện nuôi con. Về tài sản chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội mỗi ngân hàng là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), khi ly hôn anh yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả một nửa. Anh có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày cùng ý kiến với bị đơn: Chị Nông Thị T xin ly hôn, anh Lường Văn M nhất trí, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nông Thị T được ly hôn với anh Lường Văn M; về con chung: Chị Nông Thị T nhất trí để anh Lường Văn M nuôi cả 02 con chung, anh Lường Văn M chưa yêu cầu chị Nông Thị T cấp dưỡng nuôi con, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho anh Lường Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, chị Nông Thị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Lường Văn M chưa có yêu cầu. Về tài sản chung, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: Vợ chồng còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội mỗi ngân hàng là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), khi ly hôn đề nghị chị Nông Thị T có trách nhiệm trả một nửa nợ chung. Tuy nhiên anh M xin xét xử vắng mặt và không cung cấp tài liệu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh T – Giám đốc phòng giao dịch N – Agribank Chi nhánh huyện L, Lạng Sơn trình bày: Chị Nông Thị T và anh Lường Văn M còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tính đến ngày 30/10/2023 tính cả gốc và lãi là 104.113.590 đồng (một trăm linh tư triệu một trăm mười ba nghìn năm trăm chín mươi đồng), tuy nhiên Ngân hàng chưa yêu cầu xem xét giải quyết và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Việt Q- Phó Giám đốc phòng giao dịch NHCSXH huyện L trình bày: Chị Nông Thị T và anh Lường Văn M còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội tính đến ngày 03/11/2023 với dư nợ gốc là

100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), tuy nhiên Ngân hàng chưa yêu cầu xem xét giải quyết và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai của con ngày 03/10/2023 cháu Lường Quang H, sinh ngày 13/7/2010 và cháu Lường Mạnh H, sinh ngày 10/7/2015 trình bày: Các cháu đều có nguyện vọng ở với anh Lường Văn M, không ai ép buộc các cháu nói như vậy.

Tại biên bản xác minh ngày 16/11/2023 với trưởng thôn H, xã X, trưởng thôn cho biết: Trong quá trình chung sống chị T và anh M có mâu thuẫn, cãi chửi nhau, nhưng chưa yêu cầu chính quyền thôn giải quyết. Con chung hiện nay đang sống cùng anh M, vẫn đảm bảo phát triển bình thường. Anh M hiện nay ở nhà làm nông nghiệp, bảo đảm điều kiện nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài liệu chứng cứ, việc tống đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, trình tự thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử và nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 175, Điều 177, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục chuẩn bị khai mạc phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 75, Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Nông Thị T và anh Lường Văn M được tự do tìm hiểu và gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn ngày 03/3/2009. Trong qúa trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị Nông Thị T và anh Lường Văn M đã ly thân, không ai quan tâm đến ai, nay chị Nông Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Lường Văn M. Anh Lường Văn M cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị T, do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị T được ly hôn với anh Lường Văn M.

Về con chung: Anh Lường Văn M và chị Nông Thị T đều yêu cầu là người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và chưa yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lường Quang H, sinh ngày 13/7/2010 và cháu Lường Mạnh

H, sinh ngày 10/7/2015. Xét thấy hiện anh Lường Văn M là người trực tiếp nuôi con chung, các cháu vẫn được chăm sóc và phát triển bình thường, cháu Lường Quang H và Lường Mạnh H đều trên 07 tuổi đều có nguyện vọng sống cùng anh Lường Văn M, để đảm bảo quyền lợi cho cháu, tránh cuộc sống bị xáo trộn cũng như các cháu được chăm sóc đầy đủ, toàn diện, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho anh Lường Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Lường Văn M chưa yêu cầu do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về nợ chung: Xác định chị Nông Thị T và anh Lường Văn M còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tính đến ngày 30/10/2023 tính cả gốc và lãi là 104.113.590 đồng (một trăm linh tư triệu một trăm mười ba triệu năm trăm chín mươi đồng) và Ngân hàng Chính sách xã hội tính đến ngày 03/11/2023 với dư nợ gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), tuy nhiên chị Nông Thị T không yêu cầu giải quyết, anh Lường Văn M có ý kiến nhưng không thực hiện thủ tục làm đơn yêu cầu thanh toán nợ chung dù đã được Tòa án thông báo thực hiện và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cũng như Ngân hàng Chính sách xã hội không nộp tạm ứng án phí và rút yêu cầu độc lập trước phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp anh Lường Văn M và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cũng như Ngân hàng Chính sách xã hội có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Nguyên đơn chị Nông Thị T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng không có mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn có ý kiến trình bày về nợ chung yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả một nửa, tuy nhiên bị đơn không thực hiện thủ tục làm đơn yêu cầu thanh toán nợ chung để Tòa án thụ lý theo quy định, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng Chính sách xã hội không có yêu cầu độc lập về việc thanh toán nợ

chung vì vậy xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lường Văn M, cư trú tại thôn Hang Ủ, xã Xuân Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Lường Văn M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận số 13, quyển số: 01/09, đăng ký ngày 03/3/2009, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn quan tâm, yêu thương nhau và đã sống ly thân từ tháng 9/2022. Chị Nông Thị T xin ly hôn anh Lường Văn M cũng nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Nông Thị T và anh Lường Văn M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nông Thị T và anh Lường Văn M có 02 con chung là cháu Lường Quang H, sinh ngày 13/7/2010 và cháu Lường Mạnh H, sinh ngày 10/7/2015. Hiện nay cả 02 (hai) con chung đang sống với anh Lường Văn M. Anh Lường Văn M yêu cầu sau khi ly hôn anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, anh chưa yêu cầu chị Nông Thị T cấp dưỡng nuôi con chung và chị Nông Thị T cũng nhất trí. Xét thấy, 02 con chung do anh Lường Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi chị Nông Thị T và anh Lường Văn M ly thân vẫn đảm bảo phát triển đầy đủ, toàn diện mặt khác cháu Lường Quang H và Lường Mạnh H đều trên 07 tuổi đều có nguyện vọng sống với anh Lường Văn M. Do vậy Hội đồng xét xử giao con 02 chung cho anh Lường Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Chị Nông Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Lường Văn M chưa yêu cầu. Chị Nông Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung : Chị Nông Thị T và anh Lường Văn M chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Xác định chị Nông Thị T và anh Lường Văn M còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tính đến ngày 30/10/2023 tính cả gốc và lãi là 104.113.590 đồng (một trăm linh tư triệu một trăm mười ba nghìn năm trăm chín mươi đồng) và Ngân hàng Chính sách xã hội tính đến ngày 03/11/2023 với dư nợ gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), tuy nhiên chị Nông Thị T không yêu cầu giải quyết, anh Lường Văn M có ý kiến nhưng không thực hiện thủ tục làm đơn yêu cầu thanh toán nợ chung và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cũng như Ngân hàng Chính sách xã hội không nộp tạm ứng án phí và rút yêu cầu độc lập trước phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp anh Lường Văn M

và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cũng như Ngân hàng Chính sách xã hội có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Chị Nông Thị T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số (dân tộc Nùng), sinh sống tại xã Xuân Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[8] Xét thấy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa, phần nào có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận, phần nào không có căn cứ và không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận .

[9] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự .

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị T được ly hôn với anh Lường Văn M. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số: 01/09, đăng ký ngày 03/3/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn)*

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là cháu Lường Quang H, sinh ngày 13/7/2010 và cháu Lường Mạnh H, sinh ngày 10/7/2015 cho anh Lường Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lường Văn M không yêu cầu. Chị Nông Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Nông Thị T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nông Thị T được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và LIHP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai